

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2018/HNGĐ-PT**

Ngày 11/10/2018

*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con
và chia tài sản chung khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Huy Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu H.

Ông Lê Quốc Thành.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Đỗ Thị Hương

Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Ông Đỗ Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2017/TLPT-HNGĐ ngày 07/8/2018 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2018/HNGĐ-ST ngày 28/6/2018 của Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hóa bị kháng cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2018/QĐ-PT ngày 23/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đàm Lê T – sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú: Số nhà x, phố Đ.L, phường Đ.B, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: thôn G.L, xã Q.T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M.H – sinh năm 1975.

Nơi ở hiện nay: SN, phố Đ.L, phường Đ.L, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị H.

Luật sư thuộc văn phòng Luật sư V.H – Đoàn luật sư Thanh Hóa.

Tại phiên tòa: Có mặt các đương sự và Luật sư.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo nguyên đơn anh Đàm Lê T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị M.H kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q.T, huyện Quảng Xương (nay là thành phố Thanh Hóa), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm, lối sống trái ngược nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, thiếu lòng tin và sự tôn trọng lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, tháng 10/2015 vợ chồng ly thân đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- *Về con chung*: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Đàm Thị K. L - SN 12/7/2003 và cháu Đàm K. L - SN 11/6/2009. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/12/2017, biên bản hòa giải ngày 06/02/2018, anh T đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Tại bản tự khai ngày 27/4/2018, anh T đề nghị được nuôi cháu L, chị H nuôi cháu L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản*: Tại đơn khởi kiện, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo bị đơn chị Nguyễn Thị M.H trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị đồng ý với lời khai của anh T về thời gian, điều kiện kết hôn. Năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T bỏ bê gia đình, đánh chị, vợ chồng ly thân đến nay được 01 năm. Nay, anh T có đơn ly hôn, tại bản tự khai ngày 18/12/2017, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại biên bản hòa giải ngày 06/02/2018, chị đề nghị sau khi con gái Đàm Thị Khánh L thi xong mới giải quyết.

- *Về con chung*: Chị và anh T có 02 con như trình bày của anh T. Tại bản tự khai ngày 18/12/2017, chị đề nghị được nuôi 02 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định. Tại biên bản hòa giải ngày 06/02/2018, chị đề nghị giao mỗi người nuôi 01 con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản*: Ngày 28/12/2017, TAND TP. Thanh Hóa nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị M.H. Ngày 15/01/2018, Tòa án thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của chị H, chị H đề nghị chia đôi số tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất tại xã Q.T, thành phố Thanh Hóa: thửa đất số 755-2, tờ bản đồ 02, diện tích 113 m², theo Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/02/2010, mang tên vợ chồng chị (tạm tính giá trị là 600.000.000đ).

- 01 xe ô tô Lacetic BKS 30Y-9475 hiện anh T đang sử dụng (tạm tính giá trị là 300.000.000đ).

- Vốn góp vào công ty TNHH Đ.L (địa chỉ: Thôn Gia Lộc, xã Q.T, TP. Thanh Hóa) với số tiền 1.000.000.000đ.

- Tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam- chi nhánh huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa số tiền 500.000.000đ, theo sổ tiết kiệm số AC00004147793.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại lô 58 C4+C5 liền kề MB 530 khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa với diện tích 77m² (tạm tính giá trị 1.000.000.000đ).

* Về yêu cầu chia tài chung của chị H, anh T trình bày: Anh thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm có: quyền sử dụng đất tại xã Q.T, thành phố Thanh Hóa: thửa đất số 755-2, tờ bản đồ 02, diện tích 113m², theo Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/02/2010, mang tên vợ chồng anh, nguồn gốc đất là bố mẹ anh tặng cho; Tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - chi nhánh huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa số tiền 500.000.000đ, theo sổ tiết kiệm số AC 00004147793. Ngoài ra, vợ chồng anh không còn tài sản chung nào khác. Đối với 03 tài sản còn lại chị H yêu cầu, anh T đề nghị chị H cung cấp chứng cứ chứng minh đó là tài sản chung của vợ chồng.

* Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 45/2018/HNGĐ-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 33, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 6; điểm a,b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về hôn nhân: Anh Đàm Lê T được ly hôn chị Nguyễn Thị M.H.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Đàm Thị K. L- SN 12/7/2003 và cháu Đàm K. L- SN 11/6/2009. Giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản:

- Giao cho anh Đàm Lê T được quyền sử dụng diện tích 116,4 m² đất tại thửa đất số 755-2, tờ bản đồ 02, tại thôn G.L, xã Q.T, thành phố Thanh Hóa, theo Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 20/02/2010, mang tên anh Đàm Lê T và chị Nguyễn Thị M.H, có giá trị là: 698.400.000đ, có tứ cận như sau: phía Đông giáp đất ông Tươi, phía Tây giáp đường đi, phía Nam giáp ngõ đi riêng, phía Bắc giáp đường vành đai (có sơ đồ kèm theo). Anh T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để sang tên cấp giấy chứng nhận theo quy định. Tạm giao cho anh T tiếp tục sử dụng 8,6 m² đất vượt so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền SDD.

Anh T thanh toán cho chị H tiền chênh lệch tài sản là: 174.014.000đ.

Sau khi trừ đi số tiền chênh lệch giao cho chị H, giá trị tài sản anh T được hưởng là: 524.386.000đ.

- Giao cho chị Nguyễn Thị M.H được quyền quản lý, sử dụng số tiền 524.386.000đ (tiền gốc: 500.000.000đ, tiền lãi (tạm tính đến ngày 07/5/2018): 24.386.000đ), theo sổ tiết kiệm số AC 00004147793 ngày 21/4/2017 mang tên anh Đàm Lê T, tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị H có trách nhiệm liên hệ với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa để làm thủ tục quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật đối với số tiền 524.386.000đ và tiền lãi phát sinh.

Chị H được nhận từ anh T số tiền chênh lệch tài sản là: 174.014.000đ.

Sau khi nhận tiền chênh lệch từ anh T, giá trị tài sản chị H được hưởng là: 698.400.000đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu thêm lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Giành quyền khởi kiện cho chị Nguyễn Thị M.H đối với các tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại lô 58 C4+C5 liền kề MB 530 khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa, 01 xe ô tô Lacetic BKS 30Y-9475, vốn góp 1.000.000.000đ vào công ty TNHH Đ.L (địa chỉ: Thôn Gia Lộc, xã Q.T, TP. Thanh Hóa) trong vụ án chia tài sản chung sau khi ly hôn khi có đủ căn cứ và các điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

- Án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Sau khi xét xử:**

- Ngày 02/7/2018, anh Đàm Lê T kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm quyết định anh phải giao phần chênh lệch về tài sản 174.014.000đ cho chị H là không chính xác, mà phần chênh lệch là 85.000.000đ.

- Ngày 08/7/2018 chị Nguyễn Thị M.H làm đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý giao con chung cho anh T, đề nghị được nuôi cả hai cháu; Yêu cầu được chia đất của vợ chồng tại xã Q.T để lấy nơi cho mẹ con ở; chia tài sản chung của vợ chồng tiền gửi ngân hàng và xe ô tô là tài sản chung của vợ chồng.

- Ngày 27/7/2018, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyết định kháng nghị số 09/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, chị H yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm: Quyền sử dụng đất tại xã Q.T, thành phố Thanh Hóa tại thửa đất số 755-2, tờ bản đồ 02, diện tích 113m² theo Giấy CNQSD đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/02/2010 mang tên anh T và chị H; 01 xe ô tô Laceti BKS 30Y-9475 hiện anh T đang sử dụng; Vốn góp 1 tỷ đồng

vào công ty TNHH Đ.L; Tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng 500.000.000đ theo sổ tiết kiệm số AC00004147793; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại lô 58 C4+C5 liền kề MB 530 khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa với diện tích 77m².

Nhưng cấp sơ thẩm không xem xét đánh giá toàn diện, không xác minh làm rõ để làm căn cứ chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu của đương sự. Bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận giải quyết một phần tài sản chung của vợ chồng theo yêu cầu của chị H khi ly hôn, những tài sản còn lại giành quyền khởi kiện cho chị H bằng vụ án khác là không triệt để, dứt điểm. Làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng khi ly hôn. Do cấp sơ thẩm có những vi phạm về thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể giải quyết và khắc phục được nên kháng nghị đề nghị hủy phần phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn để giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về các nội dung tranh chấp và giữ nguyên đơn kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: Chị H đề nghị được nuôi cả hai cháu là để đảm bảo các điều kiện về tâm sinh lý của các cháu đang tuổi lớn và trưởng thành nên cần có bàn tay người mẹ chăm sóc. Nên đề nghị giao cháu L và cháu L cho chị H nuôi dưỡng và anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là phù hợp.

Đối với phần chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, chị H đã có đơn yêu cầu và Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý đơn nhưng chấp nhận chia một phần tài sản, phần còn lại giành quyền khởi kiện cho chị H bằng vụ án khác là chưa triệt để, chưa dứt điểm. Do có những vi phạm về thủ tục tố tụng đã ảnh hưởng đến quyền lợi của chị H nên đề nghị hủy phần chia tài sản khi ly hôn và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết xét xử lại theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá:

- Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đều tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Đối với kháng cáo của anh T: Bản án sơ thẩm đã chia cho anh T phần tài sản chung là đất và tài sản trên đất của vợ chồng tại xã Q.T trị giá 698.400.000đ; chia cho chị H số tiền tiết kiệm (gốc và lãi) 524.386.000đ. Nhưng buộc anh T thanh toán cho chị H tiền chênh lệch tài sản là 174.014.000đ là không chính xác. Vì vậy kháng cáo của anh T về nội dung này là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Đối với kháng cáo của chị H: Phần con chung cấp sơ thẩm đã giao cho anh T nuôi cháu L, chị H nuôi cháu L là phù hợp, tại phiên tòa anh T và chị H

không thỏa thuận được với nhau nên kháng cáo của chị H là không được chấp nhận.

- Phần giải quyết tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Đơn khởi kiện của anh T không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, nhưng chị H yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm: Quyền sử dụng đất tại xã Q.T, thành phố Thanh Hóa diện tích 113 m² theo Giấy CNQSD đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/02/2010 mang tên anh T và chị H; 01 xe ô tô Laceti BKS 30Y-9475 hiện anh T đang sử dụng; Vốn góp 1 tỷ đồng vào công ty TNHH Đ.L; Tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng 500.000.000đ; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại lô 58 C4+C5 liền kề MB 530 khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa .

Nhưng cấp sơ thẩm không xem xét đánh giá toàn diện, không xác minh làm rõ để làm căn cứ chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu của đương sự. Bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận giải quyết một phần tài sản chung của vợ chồng theo yêu cầu của chị H khi ly hôn, những tài sản còn lại giành quyền khởi kiện cho chị H bằng vụ án khác là không triệt để, dứt điểm. Đã vi phạm khoản 7 Điều 70; điểm e khoản 1 Điều 97; điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điều 108; khoản 4 Điều 68; điểm b khoản 2 Điều 266 BLTTDS; khoản 2, 3 Điều 59 Luật HNGĐ, ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng khi ly hôn. Do cấp sơ thẩm có những vi phạm về thủ tục tố tụng mà tại cấp phúc thẩm không thể giải quyết và khắc phục được nên đề nghị hủy phần phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn để giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo và không có thỏa thuận được nội dung nào đang tranh chấp, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo, kháng nghị:

2.1. Về hôn nhân: Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Về phần hôn nhân đã được Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử, anh T được ly hôn với chị H. Anh T và chị H đều không kháng cáo và không có kháng nghị của Viện kiểm sát các cấp nên không xét. Vì vậy quyết định ly hôn giữa anh T và chị H đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2.2. Xét nội dung kháng cáo:

- Kháng cáo nuôi con chung của chị H: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Đàm Thị K. L, sinh ngày 12/7/2003 và cháu Đàm K. L sinh ngày 11/6/2009. Cháu L và cháu L có đơn trình bày nguyện vọng là từ thứ 2 đến thứ 6 ở với bố, thứ 7 và chủ nhật ở với mẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T và chị H không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung. Xét thấy anh T và chị H đều có nguyện vọng và điều kiện nuôi con là chính đáng, đơn đề nghị của các cháu L và cháu L là không hợp lý. Căn cứ điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của chị H yêu cầu được nuôi cả 02 cháu L và cháu L là không được chấp nhận.

- Kháng cáo của anh T về phần trả tiền chênh lệch tài sản cho chị H. Bản án sơ thẩm đã chia cho anh T và chị H mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, gồm: Chia cho anh T đất và tài sản trên đất của vợ chồng tại xã Q.T trị giá 698.400.000đ; chia cho chị H số tiền tiết kiệm (gốc và lãi) 524.386.000đ. Nhưng buộc anh T thanh toán cho chị H tiền chênh lệch tài sản là 174.014.000đ là không chính xác. Vì vậy kháng cáo của anh T về nội dung này là có căn cứ nên được chấp nhận.

2.3. Xét kháng cáo và kháng nghị về phân tài sản:

Mặc dù đơn khởi kiện của anh T không yêu cầu phân chia tài sản khi ly hôn, nhưng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị H làm đơn yêu cầu phân chi tài sản của vợ chồng khi ly hôn. Ngày 15/01/2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý đơn yêu cầu chia tài sản chung của chị H, gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại xã Q.T, thành phố Thanh Hóa tại thửa đất số 755-2, tờ bản đồ 02, diện tích 113 m² theo Giấy CNQSD đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/02/2010, mang tên anh T và chị H (tạm tính giá trị là 600.000.000đ).

- 01 xe ô tô Laceti BKS 30Y-9475 hiện anh T đang sử dụng (tạm tính giá trị là 300.000.000đ).

- Vốn góp vào công ty TNHH Đ.L (địa chỉ: thôn G.L, xã Q.T, TP. Thanh Hóa) với số tiền 1.000.000.000đ.

- Tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - chi nhánh huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa số tiền 500.000.000đ, theo sổ tiết kiệm số AC00004147793.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại lô 58 C4+C5 liền kề MB 530 khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa với diện tích 77m² (tạm tính giá trị 1.000.000.000đ).

Về yêu cầu chia tài chung của chị H, anh T trình bày: Anh thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm có quyền sử dụng đất tại xã Q.T, thành phố Thanh Hóa tại thửa đất số 755-2, tờ bản đồ 02, diện tích 113m², theo Giấy CNQSD đất

quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BC 063299 do UBND huyện Quảng Xương cấp ngày 20/02/2010, mang tên vợ chồng anh, nguồn gốc đất là bố mẹ anh tặng cho; Tiền tiết kiệm 500.000.000đ gửi tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - chi nhánh huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo sổ tiết kiệm số AC 00004147793. Ngoài ra, vợ chồng anh không còn tài sản chung nào khác. Đối với 03 tài sản còn lại chị H yêu cầu, anh T đề nghị chị H cung cấp chứng cứ chứng minh đó là tài sản chung của vợ chồng.

Xét thấy:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là: Xe ô tô nhãn hiệu Laciti BKS 30Y-9475, quyền sử dụng đất tại lô 58 C4+C5 liền kề mặt bằng 530 khu đô thị nam thành phố; 01 tỷ đồng vốn góp vào Cty TNHH Đ.L. Chị H đã yêu cầu cung cấp các giấy tờ liên quan đến tài sản trên nhưng anh T không cung cấp nên chị H có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định. Nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ khối tài sản chung của vợ chồng, trong đó có tài sản thuộc Cty TNHH Đ.L do anh T là chủ sở hữu để làm căn cứ chấp nhận hoặc không chấp nhận việc yêu cầu phân chia tài sản. Do việc không tiến hành các định tại khoản 7 Điều 70; điểm e khoản 1 Điều 97; điểm d, đ khoản 2 Điều 203 BLTTDS đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và nghĩa vụ của các đương sự.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu: chia đôi phần tài sản nổi trên đất của mẹ vợ anh, trị giá khoản 500 triệu đồng tại địa chỉ số 04/61 phố Đông lân 1, phường Điện Biên, TP Thanh Hóa; buộc chị H phải chịu trách nhiệm chi trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ 1,2 tỷ đồng vay của anh Dũng, chị Thảo đồng thời anh T cung cấp 02 giấy vay tiền. Tại giấy vay tiền (BL41b) thể hiện anh T đã dùng Giấy chứng nhận QSDĐ số BC063299 (là tài sản chung của vợ chồng) để thế chấp cho việc vay tiền. Mặc dù anh T không thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, nhưng do đây là việc phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên phải thông báo và đưa anh Dũng, chị Thảo và mẹ chị H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đồng thời yêu cầu những người này cung cấp tài liệu, chứng cứ và có yêu cầu Tòa án giải quyết cùng trong vụ án không, nếu có yêu cầu thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định, làm rõ những khoản vay nợ chung hay nợ riêng của vợ hoặc chồng, tài sản đóng góp...để làm cơ sở cho việc chấp nhận hoặc không chấp nhận các yêu cầu. Do cấp sơ thẩm giải quyết về phần tài sản và công nợ trong vụ án ly hôn chưa được toàn diện, triệt để, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự theo quy định tại điều 108; khoản 4 Điều 68; điểm b khoản 2 Điều 266 BLTTDS.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị H đều có nguyện vọng được chia và làm nhà ở trên thửa đất số 755-2 tờ bản đồ số 2, diện tích 113m² xã Q.T, thành phố Thanh Hóa. Thửa đất có các cạnh: chiều dài thửa đất cạnh phía Bắc 14,6m; cạnh phía nam 11,4m; chiều rộng cạnh phía tây 14,3m, cạnh phía đông 6,5m. Căn cứ quyết định số 4463 ngày 12/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa thì thửa đất thuộc đất Thành phố nên có đủ điều kiện để chia

tách thửa cho các đương sự làm nơi ở. Nhưng bản án sơ thẩm lại giao cho anh T được sử dụng toàn bộ thửa đất là không đúng nguyên tắc giải quyết tài sản vợ chồng khi ly hôn; Do hiện nay thửa đất trên đã được UBND Thành phố giải tỏa, đền bù và có quyết định số 7719/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 giao đất tái định cư cho anh T và chị H gồm 02 lô, mỗi lô diện tích là 90m² tại mặt bằng quy hoạch số 6129/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 thuộc xã Q.T, Thành phố Thanh Hóa. Như vậy nguyện vọng có nơi ở của anh T và chị H đều được đáp ứng nên việc chia đôi tài sản là nhà đất tại xã Q.T là phù hợp.

Về phần chia tài sản chung của vợ chồng thì tại phiên tòa phúc thẩm có thêm những tình tiết mới, đồng thời quá trình giải quyết giải tại cấp sơ thẩm có những thiếu sót đã ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của các đương sự, không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Vì vậy kháng cáo của chị H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa là có cơ sở chấp nhận để hủy phần chia tài sản chung của vợ chồng anh T, chị H khi ly hôn và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Án phí: Do án sơ thẩm bị hủy một phần nên anh T và chị H không phải chịu án phí phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được quyết định khi giải quyết lại phần tài sản tại cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Chấp nhận kháng cáo của anh Đàm Lê T; Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị M.H về phần chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn, không chấp nhận kháng cáo về phần nuôi con chung.

- Chấp nhận kháng nghị số 09/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/7/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Hủy phần chia tài sản chung giữa anh Đàm Lê T và chị Nguyễn Thị M.H trong bản án dân sự sơ thẩm số 45/2018/HNGĐ-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa giải quyết, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

* Căn cứ: Điều 33; Điều 58; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

- Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Đàm Thị K. L, sinh ngày 12/7/2003 và cháu Đàm K. L, sinh ngày 11/6/2009. Giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không

ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T, chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Án phí phúc thẩm; Anh T và chị H không phải chịu án phí phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền của Chi cục THA Dân sự TP Thanh Hóa (Biên lai anh T số 0005287 ngày 02/7/2018; chị H số 0005316 ngày 12/7/2018).

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TP Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Hùng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa , ngày 11 tháng 10 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu H.

Ông Lê Quốc Thành.

Vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số 41/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chi tài sản chung khi ly hôn” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đàm Lê T – sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 04/61 phố Đông Lân 1, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: thôn Gia Lộc, xã Q.T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M.H – sinh năm 1975.

Nơi ở hiện nay: SN 04/61 phố Đông Lân 1, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Lê Thị Hoa.

Luật sư thuộc văn phòng Luật sư Việt Hoa – Đoàn luật sư Thanh Hóa.

**HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

* Căn cứ: Khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Chấp nhận kháng cáo của anh Đàm Lê T; Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị M.H về phần chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn. Không chấp nhận kháng cáo về phần nuôi con chung.

- Chấp nhận kháng nghị số 09/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/7/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Hủy phần chia tài sản chung giữa anh Đàm Lê T và chị Nguyễn Thị M.H trong bản án dân sự sơ thẩm số 45/2018/HNGĐ-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa giải quyết, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

* Căn cứ: Điều 33; Điều 58; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

- Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Đàm Thị Khánh L, sinh ngày 12/7/2003 và cháu Đàm Khánh L, sinh ngày 11/6/2009. Giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T, chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Án phí phúc thẩm; Anh T và chị H không phải chịu án phí phúc thẩm, được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền của Chi cục THA Dân sự TP Thanh Hóa (Biên lai anh T số 0005287 ngày 02/7/2018; chị H số 0005316 ngày 12/7/2018).

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Hội đồng phúc thẩm biểu quyết: Đồng ý 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 17 giờ , ngày 11/10/2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Thành Lê Thu H

Hà Huy Hùng